

Thứ năm, ngày 17 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Giảm điểm phiên đảo hạn HDTL

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/10/2019		●	
Tuần 14/10-18/10/2019		●	
Tháng 10/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, áp lực điều chỉnh tại một số cổ phiếu bluechips trụ cột thị trường như VHM, VIC, VRE, NVL đã khiến cho VN-Index nhanh chóng lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Đến phiên chiều, chỉ số vận động chủ yếu dưới ngưỡng 994 điểm và đã giảm được nỗi rộng vào những phút cuối phiên. Điểm sáng trong phiên hôm nay đến từ việc khối ngoại mua ròng trên cả ba sàn. Thị trường có phiên giao dịch biến động khi HDTL đảo hạn. Với việc dễ mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng 990 điểm, nhiều khả năng VN-Index sẽ lùi về tích lũy trong kênh giá 980-995 điểm trước khi quay trở lại kiểm tra ngưỡng kháng cự mạnh 1,000 điểm trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2003, các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. VN30 rung lắc mạnh trong phiên đảo hạn của VN30F1910. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu xây dựng_0.5%. 3/17 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, đặc biệt có tới **11/17 danh mục** có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (-0.5%). Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - đi ngược xu hướng giảm chung có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

Phân tích kỹ thuật: DCM_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: TCM, KDH, TNG, TCB, BID

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.64 điểm**, đóng cửa 989.82. HNX-Index **+0.14 điểm**, đóng cửa 106.07.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.31); VHM (+0.10); HPG (+0.08); TPB (+0.07); PHR (+0.06).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.99); VCB (-0.98); SAB (-0.56); NVL (-0.45); BID (-0.35).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,257 tỷ đồng**, **+13.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.99 điểm. Thị trường có 123 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 179 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **18.62 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (44.90 tỷ), VCB (9.75 tỷ) và GAS (3.94 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.39 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

989.82

Giá trị: 3257.55 tỷ

-4.64 (-0.47%)

Khối ngoại (ròng): 18.62 tỷ

HNX-INDEX

106.07

Giá trị: 234.97 tỷ

0.14 (0.13%)

Khối ngoại (ròng): 1.39 tỷ

UPCOM-INDEX

56.47

Giá trị: 211.08 tỷ

0 (0%)

Khối ngoại(ròng): 7.61 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.8	-0.99%
Giá vàng	1,489	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	23,207	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,698	0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,331	-0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	1.63%
LS TPCP 5 năm	2.8%	-2.48%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	27.0	VRE	33.0
VIC	17.8	ROS	25.6
VCB	14.9	HDB	22.8
VNM	13.7	VJC	14.5
BID	11.2	HPG	7.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 3/17 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, đặc biệt có tới **11/17 danh mục** có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (-0.5%). Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - đi ngược xu hướng giảm chung có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **16/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**
- **3/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Vật liệu Xây dựng	0.5%	-0.1%	0.8%	2.8%	5.3%	1.7%	6.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	1.1%	0.2%	-5.0%	0.3%	12.0%	49.4%
Lãi suất giảm	0.1%	0.0%	2.0%	-0.3%	1.8%	2.2%	55.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	0.1%	1.5%	1.0%	-1.6%	-6.8%	-5.6%
Hàng tiêu dùng	-0.3%	1.0%	0.9%	6.8%	11.1%	9.5%	63.3%
Xây dựng	-0.3%	-2.1%	-0.6%	-2.2%	-6.0%	-11.0%	23.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	0.2%	-1.7%	0.2%	0.6%	5.6%	79.3%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-0.3%	-2.6%	-3.0%	1.1%	6.2%	50.9%
Chiến tranh thương mại	-0.4%	-0.8%	-1.1%	-7.1%	-4.5%	-4.4%	6.8%
BDS & Khu công nghiệp	-0.4%	-1.0%	-2.8%	0.1%	3.0%	1.8%	56.5%
Dầu khí	-0.5%	-0.6%	-4.6%	-6.4%	-3.2%	-9.3%	9.2%
Ngân hàng	-0.5%	1.6%	5.9%	10.1%	13.2%	8.8%	86.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.5%	1.5%	4.9%	5.5%	6.1%	-0.7%	37.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.7%	0.4%	0.7%	6.2%	11.7%	4.2%	79.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.7%	0.3%	0.0%	7.9%	13.8%	11.6%	89.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	1.0%	2.2%	-8.2%	-10.3%	-15.1%	42.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	0.3%	1.5%	4.8%	8.7%	6.1%	69.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 5	-0.2%	0.6%	-0.3%	4.4%	5.4%	-0.5%	71.5%
Danh mục 11	-0.2%	1.0%	0.5%	-0.6%	-1.2%	-4.0%	77.9%
Danh mục 17	-0.3%	1.0%	2.4%	0.9%	3.3%	11.7%	129.3%
Danh mục 1	-0.9%	0.3%	1.9%	8.9%	12.9%	8.6%	70.3%
Danh mục 10	-1.2%	-0.8%	-3.0%	4.3%	11.2%	3.3%	61.2%
* Note	16/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	-0.5%	-1.3%	-1.0%	1.5%	11.5%	25.5%	172.4%
Danh mục 23	-0.5%	0.8%	1.7%	3.0%	4.2%	7.8%	107.0%
Danh mục 20	-0.6%	-0.2%	1.4%	-0.3%	4.2%	7.8%	17.1%
Danh mục 22	-0.8%	0.5%	0.6%	10.6%	18.6%	11.0%	74.3%
Danh mục 24	-1.1%	-0.7%	0.1%	3.2%	11.5%	5.1%	65.5%
* Note	3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần khả quan						

INDEX							
VNINDEX	-0.5%	0.2%	-0.5%	0.8%	2.9%	2.0%	44.0%
VN30INDEX	-0.6%	0.7%	0.6%	4.3%	4.8%	-2.6%	38.6%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/17/2019

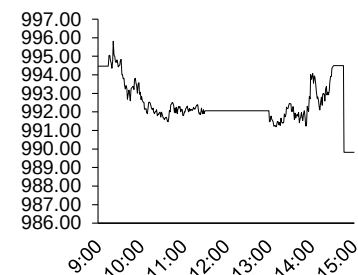
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

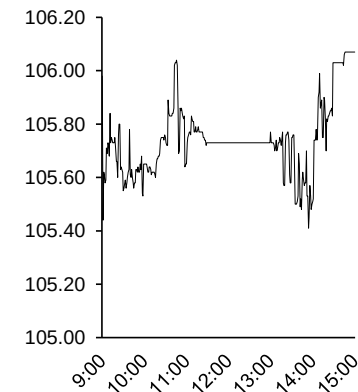
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-1.6%
Công nghệ Thông tin	-1.0%
Dịch vụ tài chính	-0.8%
Dầu khí	-0.7%
Du lịch và Giải trí	-0.7%
Ngân hàng	-0.7%
Bất động sản	-0.5%
Y tế	-0.3%
Thực phẩm và đồ uống	-0.3%
Bảo hiểm	-0.2%
Truyền thông	-0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.3%
Tài nguyên Cơ bản	0.4%
Ô tô và phụ tùng	0.6%
Hóa chất	0.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DCM_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: Cổ phiếu DCM đang hình thành xu hướng tăng kể từ phiên bứt phá từ ngày 15/10. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên và đồng thuận với đà tăng của bước giá, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, DCM có thể tăng giá trở về vùng kháng cự 8.5 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PT KT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 16/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 16/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.71	0.02%	0.16%	-11.23%	-24.48%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.95	0.34%	1.01%	-8.74%	-26.41%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.61	-0.29%	1.44%	-3.89%	-16.09%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1491.93	0.56%	-0.87%	-0.67%	22.08%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.35	0.03%	-1.86%	-3.57%	18.90%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	926.38	-0.62%	0.26%	3.62%	4.56%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	511.75	0.94%	2.30%	5.68%	-1.11%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.62	0.11%	-0.48%	1.80%	19.36%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.10	-1.00%	-0.53%	-14.06%	-5.51%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.35	-1.91%	-0.48%	12.89%	-10.05%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	3.18%	4.85%	1.89%	-1.52%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	93.65	-0.85%	-1.99%	-3.41%	-23.66%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.57	-1.19%	0.41%	-1.41%	-7.03%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3452.00	-5.42%	-5.40%	-9.63%	-24.30%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1728.00	0.47%	-1.34%	-3.63%	-14.54%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	88.50	-2.21%	-4.84%	-8.29%	25.53%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.67	0.81%	-1.08%	-3.38%	-36.92%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 68 US cent hay 1.16% lên 59.42 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 11 tăng 55 US cent hay 1.04% lên 53.36 USD/thùng.
- Dầu tăng do những dấu hiệu OPEC và các nhà sản xuất đồng minh sẽ tiếp tục hạn chế sản lượng trong tháng 12, đồng USD suy yếu và do các nhà đầu tư đóng lại hợp đồng bán khống trước khi có báo cáo dự trữ dầu thô của Mỹ.
- Tổ chức OPEC và các nhà sản xuất đồng minh sẽ nhóm họp vào ngày 5 – 6/12 tại Vienna để xem xét chính sách sản lượng. Các nhà đầu tư tin tưởng tổ chức OPEC+ có thể quyết định mở rộng việc cắt giảm sản lượng và đợi cho tới khi nhu cầu theo kịp tình trạng sản lượng. Tổng thư ký OPEC cho biết cắt giảm sản lượng sâu hơn là một lựa chọn.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,488.84 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.7% lên 1,494 USD.
- Vàng tăng do lo ngại lập trường của Washington về Hồng Kông có thể cản trở các cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc. Mối quan hệ chưa chất giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp diễn với việc Hạ viện Mỹ hôm 15/10 đã thông qua 4 điều luật cứng rắn đối với Bắc Kinh, trong đó 3 điều luật liên quan đến các cuộc biểu tình ủng hộ dân chủ ở Hồng Kông, điều này kéo theo sự phản đối của Trung Quốc.

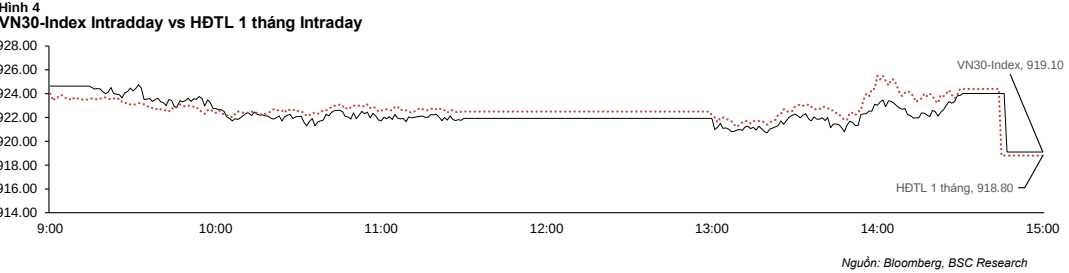
Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 3.2% xuống 617 CNY/tấn. Quặng sắt Đại Liên giảm hơn 3% xuống mức thấp nhất trong 6 tuần, sau khi Đường Sơn thành phố sản xuất thép hàng đầu của Trung Quốc đã đưa ra cảnh báo khói bụi cấp độ 2, yêu cầu các nhà máy tiếp tục hạn chế hoạt động.
- Nguyên liệu thô sản xuất thép này tiếp tục tồn thất sâu hơn sau khi Trung Quốc phác thảo kế hoạch hàng năm chống ô nhiễm môi trường cho mùa đông này trong một tài liệu được Bộ Sinh thái và Môi trường phát hành.
- Thép thanh xây dựng trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 1.4% xuống 3,291 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng Thép cuộn cán nóng giảm 0.9% xuống 3,287 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.24 US cent hay 1.91% xuống 12.35 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 1.78% xuống 341.5 USD/tấn. Đà tăng của đường đã chững lại sau khi tăng 3.5% trong tháng trước, do các nhà sản xuất bán ra bất kể đợt tăng giá nào.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 0.9 US cent hay 0.95% xuống 93.55 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 24 USD hay 1.9% xuống 1,240 USD/tấn. Đồng real yếu khuyến khích nhà sản xuất bán các hàng hóa định giá bằng USD như cà phê và đường.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	918.80	-0.52%	-0.30	-9.7%	47138	10/17/2019	0
VN30F1911	924.30	-0.02%	5.20	233.7%	15860	11/21/2019	35
VN30F1912	922.10	-0.09%	3.00	-3.6%	27	12/19/2019	63
VN30F2003	923.30	0.03%	4.20	91.7%	46	3/19/2020	154

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -5.54 điểm xuống mức 919.10 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, NVL, FPT, VIC, và MSN tác động mạnh đến điều chỉnh giảm điểm của VN30. VN30 rung lắc mạnh trong phiên đáo hạn của VN30F1910. VN30 điều chỉnh giảm vào phiên sáng, trước khi quay đầu phục hồi vào phiên chiều. Trong phiên ATC, VN30 bắt ngờ giảm mạnh xuống dưới ngưỡng 920 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản tiếp tục duy trì tại mức tích cực.
- Ngoại trừ VN30F2003, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1911 đang giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu việc phục hồi ngắn hạn và điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1902	KIS	12/11/2019	55	5:1	351,690	99.9%	6.0 triệu	28.42%	1,000	110	10.00%	-	n/a
CHPG1906	KIS	11/14/2019	28	2:1	102,680	-27.8%	5.0 triệu	27.23%	1,500	200	5.26%	0.10	2,000.00
CVHM1901	KIS	2/7/2020	113	4:1	55,820	469.0%	5.0 triệu	27.23%	3,100	3,510	5.09%	1,078.20	3.26
CVNM1901	KIS	12/13/2020	423	10:1	910,940	-8.4%	5.0 triệu	18.85%	1,200	630	5.00%	2.20	286.36
CHPG1905	SSI	12/30/2019	74	1:1	43,360	-14.3%	1.0 triệu	28.42%	3,300	1,920	3.78%	540.40	3.55
CVNM1902	KIS	3/26/2020	161	10:1	4,800	-51.9%	5.0 triệu	18.85%	1,900	2,920	3.18%	3,372.90	0.87
CVJC1901	KIS	2/26/2020	132	10:1	13,470	52.4%	5.0 triệu	15.94%	1,800	2,640	0.00%	1,679.10	1.57
CMBB1902	HSC	12/17/2019	61	1:1	134,640	5.1%	1.0 triệu	16.95%	3,200	4,280	-2.28%	1,698.50	2.52
CSTB1901	KIS	1/9/2020	84	1:1	163,360	8.5%	1.5 triệu	20.73%	1,390	1,640	-2.38%	498.00	3.29
CMWG1902	VND	12/11/2019	55	4:1	60,140	70.9%	2.4 triệu	20.51%	2,990	8,950	-2.72%	8,385.50	1.07
CMWG1906	MBS	12/16/2019	60	5:1	23,520	-85.1%	3.0 triệu	20.51%	2,850	2,580	-4.09%	1,133.40	2.28
CMWG1903	HSC	12/30/2019	74	5:1	70,870	146.4%	2.0 triệu	20.51%	2,700	6,320	-4.24%	5,753.10	1.10
CFPT1903	SSI	12/30/2019	74	1:1	74,140	429.2%	2.0 triệu	20.30%	6,000	13,530	-4.72%	12,004.30	1.13
CNVL1901	KIS	2/7/2020	113	4:1	32,450	-19.8%	5.0 triệu	20.28%	1,900	2,440	-5.06%	578.70	4.22
CDPM1901	KIS	1/9/2020	84	1:1	34,990	187.5%	1.5 triệu	26.99%	1,900	2,580	-6.18%	1,318.70	1.96
CMWG1904	SSI	12/30/2019	74	1:1	46,780	282.5%	1.0 triệu	20.51%	14,000	36,380	-6.24%	33,763.20	1.08
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	53	5:1	10,900	-15.7%	1.5 triệu	20.51%	5,600	6,500	-7.41%	5,909.30	1.10
CFPT1904	MBS	11/19/2019	33	3:1	140,200	338.5%	3.0 triệu	20.30%	1,700	2,350	-8.56%	1,674.10	1.40
CVIC1901	KIS	11/14/2019	28	5:1	88,970	379.6%	2.0 triệu	20.95%	1,960	610	-8.96%	0.30	2,033.33
CMSN1901	KIS	11/14/2019	28	5:1	57,590	-49.0%	1.8 triệu	22.69%	1,920	720	-10.00%	4.70	153.19
CREE1901	MBS	11/19/2019	33	3:1	130,000	32.2%	3.0 triệu	23.34%	1,260	890	-15.24%	216.60	4.11
CVRE1901	KIS	11/14/2019	28	2:1	145,820	213.1%	2.5 triệu	26.13%	1,900	360	-20.00%	0.10	3,600.00
Tổng:					2,697,130		65.2 triệu	22.15%**					
Chú thích:					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn								

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CVRE1901 và CREE1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -20.00% và -15.24%. Thanh khoản thị trường tăng 49.26%. CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 34% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và MWG, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	131.00	0.46	0.42
HPG	21.40	0.47	0.23
PNJ	82.70	0.98	0.20
VHM	86.50	0.12	0.05
CTG	21.90	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	122.9	-1.76	-0.88
NVL	60.3	-2.74	-0.88
FPT	56.7	-1.39	-0.61
VIC	117.0	-0.85	-0.59
MSN	77.0	-1.03	-0.52

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1902	166,285	41,999	21,400
CHPG1906	31,088	28,088	21,400
CVHM1901	102,288	89,888	86,500
CVNM1901	46,340	156,285	131,000
CHPG1905	93,300	23,100	21,400
CVNM1902	152,333	133,333	131,000
CVJC1901	163,678	145,678	138,500
CMBB1902	26,300	21,800	23,200
CSTB1901	12,278	10,888	10,900
CMWG1902	48,130	90,000	122,900
CMWG1906	135,150	120,900	122,900
CMWG1903	25,800	95,000	122,900
CFPT1903	56,154	45,140	56,700
CNVL1901	69,688	62,088	60,300
CDPM1901	15,888	13,988	14,800
CMWG1904	165,000	90,000	122,900
CMWG1905	122,000	94,000	122,900
CFPT1904	57,100	52,000	56,700
CVIC1901	150,688	140,888	117,000
CMSN1901	98,488	88,888	77,000
CREE1901	41,330	37,550	36,500
CVRE1901	44,688	40,888	31,850

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	122.9	-1.8%	0.7	2,366	4.0	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.7	1.0%	1.0	800	2.5	4,727	17.5	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	71.3	-0.7%	1.3	2,173	0.4	1,505	47.4	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.7	-0.3%	0.7	329	0.1	3,061	10.7	1.1	54.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	117.0	-0.8%	1.1	17,021	2.4	1,643	71.2	4.7	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.9	0.0%	1.1	3,225	2.9	1,033	30.8	2.6	31.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.3	-2.7%	0.8	2,439	1.5	3,579	16.8	2.8	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	36.5	-1.5%	1.0	492	2.1	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.3	-0.6%	1.4	374	0.7	3,215	5.1	1.0	46.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.4	-0.9%	1.3	472	1.0	1,997	10.7	1.2	57.1%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.1	0.3%	1.0	251	0.0	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.0	-1.7%	1.5	305	0.5	1,434	16.0	1.7	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	56.7	-1.4%	0.8	1,672	4.0	4,349	13.0	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.5	0.0%	0.4	481	0.0	4,156	10.7	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.0	-0.2%	1.5	8,405	1.1	6,066	16.7	4.3	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	57.6	-0.9%	1.5	2,982	0.6	3,350	17.2	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.5	0.0%	1.7	384	1.9	2,397	7.7	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.5	-2.1%	0.8	1,281	0.5	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.5	-0.5%	0.5	520	0.0	4,616	19.8	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.8	-2.0%	0.7	252	0.3	853	17.4	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.8	3.4%	0.6	180	0.5	897	8.7	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	85.2	-1.0%	1.3	13,739	3.8	4,729	18.0	4.1	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.8	-0.9%	1.5	6,065	1.4	2,091	19.5	2.6	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.9	0.0%	1.6	3,545	3.2	1,470	14.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.5	-0.2%	1.2	2,403	3.3	2,989	7.5	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.2	-0.4%	1.1	2,302	5.4	3,215	7.2	1.5	21.6%	21.7%
ACB	Ngân hàng	24.4	0.0%	1.1	1,720	2.3	4,469	5.5	1.3	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.8	0.2%	0.9	191	0.4	5,017	10.7	1.8	78.9%	17.1%
NTP	Nhựa	39.7	-0.5%	0.3	154	0.1	4,490	8.8	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	0.0%	1.2	657	0.0	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.4	0.5%	1.0	2,569	4.5	2,760	7.8	1.3	37.6%	19.9%
HSG	Thép	7.2	1.0%	1.5	132	0.5	425	16.9	0.6	17.4%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	131.0	0.5%	0.8	9,918	8.1	5,465	24.0	8.0	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	253.0	-1.2%	0.8	7,054	0.3	6,735	37.6	9.3	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.0	-1.0%	1.2	3,913	2.8	3,304	23.3	2.9	40.2%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.7	-0.3%	0.5	477	1.2	445	42.1	1.7	5.9%	3.9%
ACV	Vận tải	77.0	0.0%	0.8	7,288	0.1	2,630	29.3	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	138.5	-0.4%	1.1	3,154	2.8	9,850	14.1	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	35.3	-1.3%	1.7	2,177	0.5	1,747	20.2	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.3	-0.4%	0.8	340	0.4	1,888	13.9	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.7	-0.6%	0.6	204	0.4	2,435	6.9	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.5	3.0%	0.9	590	1.9	7,667	11.3	4.4	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-1.3%	0.8	371	0.1	1,327	14.4	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	0.6%	0.8	260	0.0	1,657	9.5	1.1	6.1%	11.7%
CTD	Xây dựng	88.0	-1.1%	0.7	292	0.2	13,535	6.5	0.8	48.8%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.6	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.2	-1.0%	0.5	261	0.4	387	62.6	1.2	52.1%	1.9%
POW	Điện	13.2	0.4%	0.6	1,344	1.0	820	16.1	1.3	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.0	0.0%	0.6	287	0.1	2,241	10.2	1.6	19.8%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	131.00	0.46	0.31	1.41MLN
VHM	86.50	0.12	0.10	688380.00
HPG	21.40	0.47	0.08	4.83MLN
TPB	22.70	1.34	0.08	1.27MLN
PHR	60.90	2.70	0.06	277260.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	86.50	2.98	0.08	508200.00
DL1	29.70	5.32	0.07	100.00
MBG	34.60	9.84	0.06	333900.00
PHP	12.00	9.09	0.03	3300.00
SHN	9.00	2.27	0.03	43000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	117.00	-0.85	-0.99	479110.00
VCB	85.20	-1.05	-0.98	1.02MLN
SAB	253.00	-1.17	-0.57	28490.00
NVL	60.30	-2.74	-0.47	574340.00
BID	40.80	-0.85	-0.35	801110.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	30.40	-7.88	-0.09	1600.00
SHS	8.20	-2.38	-0.03	448300.00
S99	7.90	-5.95	-0.02	200.00
KLF	1.30	-7.14	-0.02	1.99MLN
CEO	9.60	-1.03	-0.02	262500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	9.94	7.00	0.01	770.00
VNL	16.10	6.98	0.00	140.00
FTM	3.39	6.94	0.00	106970.00
VPH	4.78	6.94	0.01	107370.00
FLC	4.33	6.91	0.06	20.93MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHA	7.70	10.0	0.01	125100.00
MBG	34.60	9.8	0.06	333900.00
SJ1	15.90	9.7	0.01	100.00
CLM	17.20	9.6	0.01	100.00
UNI	5.80	9.4	0.01	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSC	66.20	-6.89	-0.02	50.00
ACL	29.15	-6.87	-0.01	37330.00
PTC	6.00	-6.69	0.00	190.00
CLG	1.45	-6.45	0.00	14270.00
HTT	1.45	-6.45	0.00	70550.00

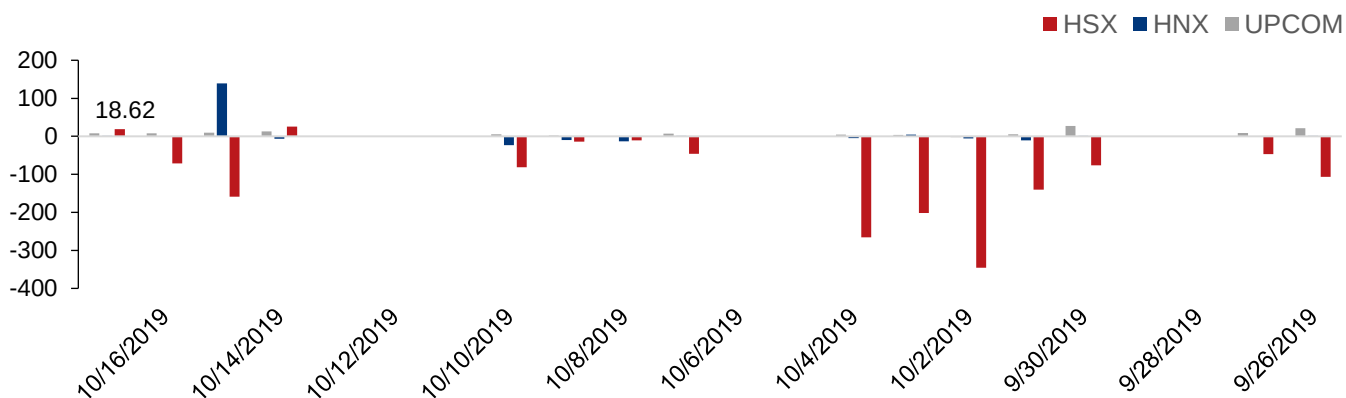
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	713900.00
DID	5.40	-10.00	0.00	100.00
DST	0.90	-10.00	0.00	577000.00
VC6	8.10	-10.00	0.00	2100.00
C69	17.60	-9.74	-0.02	423500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.5	2,582	7.6	0.9	Click
2	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.2	3,672	10.4	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	77.0	3,304	23.3	2.9	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	131.0	5,465	24.0	8.0	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.7	2,680	8.5	1.7	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.5	5,261	6.9	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.0	18,865	4.2	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,076	4.1	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.4	4,469	5.5	1.3	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.3	1,098	13.0	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.2	4,729	18.0	4.1	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.5	1,723	14.2	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.2	3,215	7.2	1.5	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	55.0	2,801	19.6	3.2	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.3	1,888	13.9	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.6	3,705	7.4	2.0	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.7	4,349	13.0	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.6	649	21.0	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	122.9	7,893	15.6	5.2	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	82.7	4,727	17.5	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đã có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cầu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xuất nhập khẩu (1) Giá xuất nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xuất 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn